TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2025/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 11 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh T S N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh T.

Bị đơn: Chị N T N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh T.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T S N và chị N T N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh T S N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu T T T , sinh ngày 19/02/2020 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N T N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T S N do anh N tự nguyện không yêu cầu. Chị N T N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Anh T S N và chị N T N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí*:* Anh T S N tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004525 ngày 30/10/2025

của Thi hành án dân sự tỉnh T. Hoàn trả lại anh N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6 – T;
- Phòng THADS Khu vực 6 – T;
- Thi hành án DS tỉnh T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo